

Bản án số: 64/2025/DS-PT

Ngày: 17-01-2025

V/v “Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường;

Ông Nguyễn Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 560/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn R, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1953, địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Trí M, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2024 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Võ Văn Cu L1, sinh năm 1971, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

2. Anh Võ Văn Cu N, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

3. Anh Võ Văn T, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

4. Anh Võ Văn C, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

5. Chị Lại Thị Kim H, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng);

6. Cháu Võ Thị Tuyết T1, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng);

7. Cháu Võ Trọng P, sinh năm 2004, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

8. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1955, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng).

9. Chị Võ Thị P1, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng)

10. Ông Lâm Văn B, sinh năm 1954, địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

11. Anh Võ Minh Q, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

12. Ủy ban nhân dân huyện Đ, địa chỉ trụ sở: Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Phương B1 – Chức vụ: Phó Phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ, theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2024 (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Võ Văn R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Võ Văn R trình bày:

Anh là cháu nội của cụ Võ Văn T3 (chết năm 1956) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1995). Cụ T3 và cụ C1 có 03 người con đẻ là ông Võ Văn T4 (chết lúc 02 tuổi, không có vợ con), ông Võ Văn L2 (chết năm 2013) và bà Võ Thị L.

Ông L2 có vợ là bà Nguyễn Thị T5 (chết năm 1994). Ông L2 với bà T5 có 06 con chung gồm: Anh Võ Văn T, anh Võ Văn R, anh Võ Văn Cu L1, anh Võ Văn Cu N, anh Võ Văn C, anh Võ Văn Đ (chết năm 2020). Anh Đ có vợ là chị Lại Thị Kim H và có 02 người con đẻ gồm cháu Võ Thị Tuyết T1 và cháu Võ Trọng P. Ngoài ra, ông L2 có một con riêng với bà Huỳnh Thị T2 tên là chị Võ Thị P1.

Khi còn sống, cụ T3 và cụ C1 có tạo lập được quyền sử dụng đất là các thửa đất 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, tổng diện tích là 1.684m², đất tọa lạc tại

ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ T3 và cụ C1 chết, bà Võ Thị L tự ý đăng ký quyền sử dụng đất là 02 thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, tổng diện tích là 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản đồ số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Vào năm 1978, cụ C1 có cho ông L2 diện tích đất khoảng 1,2ha, loại đất LUA; cho bà L diện tích đất khoảng 25 cao (2.500m²), loại đất LUA. Riêng diện tích đất 1.684m², thuộc thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc ấp G thì cụ C1 giữ lại để ở nhưng bà L đã tự ý đăng ký quyền sử dụng đất, không được sự đồng ý của ông L2. Trên thửa đất 270, 285 có 01 căn nhà của cụ C1 được xây dựng từ năm 1983 và một căn nhà của bà L được xây dựng khoảng năm 1978. Anh đã yêu cầu bà L chia phần di sản thừa kế của ông bà nội để lại nhưng bà L không đồng ý. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tại các thửa đất 270, 285; cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản đồ số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An do bà Võ Thị L đứng tên trên chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Công nhận diện tích đất thuộc các thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản đồ số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là di sản thừa kế của cụ Võ Văn T3 và cụ Nguyễn Thị C1 để lại.

- Yêu cầu chia phần di sản thừa kế di sản thành 02 kỷ phần gồm:

Bà Võ Thị L được chia 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 842m².

Anh Võ Văn R, anh Võ Văn T, anh Võ Văn Cu L1, anh Võ Văn Cu N, anh Võ Văn C và những người thừa kế của anh Võ Văn Đ (chết năm 2020), gồm: chị Lại Thị Kim H, cháu Võ Thị Tuyết T1 và cháu Võ Trọng P được chia 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 842m².

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Trí M trình bày:

Các thửa đất 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản đồ số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có nguồn gốc của cụ T3 và cụ C1 để lại. Vào năm 1978, cụ C1 tặng cho ông L2 diện tích đất khoảng 1,2ha; tặng cho bà L diện tích đất khoảng 4.000m². Các thửa đất mà bà L được tặng cho gồm thửa 167, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.500m², tọa lạc xã M và thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m², tọa lạc tại ấp G, xã M. Năm 1978, bà L đã cất nhà trên thửa đất số 270, 285. Trước đây, cụ C1 sống 01 mình ở nơi khác, đến năm 1983, theo đề nghị của bà L thì cụ C1 về cất nhà kế bên nhà bà L để bà L tiện chăm sóc. Bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà L xin rút lại yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 270, 285 là tài sản riêng của bà Võ Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn B trình bày: Ông là chồng bà L, ông thống nhất với lời trình bày của bà L. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Cu L1 trình bày: Anh là con đẻ của ông L2 và bà T5, là em ruột của anh R và là cháu ruột, gọi bà L là cô. Cha mẹ anh có 06 người con gồm: anh Võ Văn R, anh Võ Văn T, anh Võ Văn Cu L1, anh Võ Văn Cu N, anh Võ Văn C và những người thừa kế của anh Võ Văn Đ (chết năm 2020), gồm: chị Lại Thị Kim H, cháu Võ Thị Tuyết T1 và cháu Võ Trọng P. Ngoài ra, cha anh có một người con riêng với bà Huỳnh Thị T2 tên là Võ Thị P1.

Trước đây, cụ T3 và cụ C1 đã chia cho ông L2 60 cao đất lúa, chia cho bà L 30 cao đất lúa và $\frac{1}{2}$ phần đất gò trong số đất 1.684m² (tức là 842m²). Ông L2 và bà L đều đã kê khai, đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được tặng cho. Đối với phần đất gò có diện tích 1.684m² là di sản thừa kế của ông bà nội của anh để lại nhưng bà L tự ý đi đăng ký, việc bà L tự ý đăng ký hết phần đất gò ông L2 hoàn toàn không biết. Do đó, bà L phải chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể là bà L được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế là phần đất gò có diện tích là 842m². Những người thừa kế của ông L2 sẽ được hưởng diện tích đất là 842m². Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, anh xin từ chối nhận di sản thừa kế, anh để phần di sản thừa kế mà anh được hưởng cho anh Võ Văn R, anh R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Cu N trình bày: Anh là con đẻ của ông L2 và bà T5, là em ruột của ông R. Anh thống nhất với lời trình bày của anh Võ Văn Cu L1, phần đất gò có diện tích 1.684m² là di sản thừa kế của ông bà N1 của anh để lại, bà L tự ý đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà L phải chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể là bà L được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế và các anh em của anh được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế là phần đất gò có diện tích là 842m². Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, anh xin từ chối nhận di sản thừa kế, anh để phần di sản thừa kế được hưởng cho anh Võ Văn R, anh R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn T trình bày: Anh là con đẻ của ông L2 và bà T5, là em ruột của anh R. Anh thống nhất với lời trình bày anh Võ Văn Cu L1, anh Võ Văn Cu N, phần đất gò có diện tích 1.684m² là di sản thừa kế của ông bà N1 của anh để lại, bà L tự ý đi đăng ký và được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà L phải chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể là bà L được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế và các anh em của anh được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế là phần đất gò có diện tích là 842m². Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, anh xin từ chối nhận di sản thừa kế, anh để phần di sản thừa kế được hưởng cho anh Võ Văn R, anh R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn C trình bày: Anh là con đẻ của ông L2 và bà T5, là em ruột của anh R. Anh thống nhất với lời trình

bà anh Võ Văn Cu L1, anh Võ Văn Cu N và anh Võ Văn T, phần đất gò có diện tích 1.684m² là di sản thừa kế của ông bà N1 của anh để lại, bà L tự ý đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà L phải chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể là bà L được hưởng ½ di sản thừa kế và các anh em của anh được hưởng ½ di sản thừa kế là phần đất gò có diện tích là 842m². Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, anh xin từ chối nhận di sản thừa kế, anh để phần di sản thừa kế mà anh được hưởng cho anh Võ Văn R, anh R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lại Thị Kim H trình bày: Chị là vợ của anh Võ Văn Đ. Anh Đ chết vào năm 2020, quá trình chung sống có 02 người con, tên là Võ Thị Tuyết T1 và Võ Trọng P. Chị là con dâu trong gia đình nên không biết gì về di sản thừa kế của ông bà N1 chồng để lại. Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, chị xin từ chối nhận di sản thừa kế, chị để phần di sản thừa kế được hưởng cho anh Võ Văn R, anh R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Võ Thị Tuyết T1 trình bày: Cháu là con ruột của anh Võ Văn Đ và chị Lại Thị Kim H. Cháu không biết gì về di sản thừa kế của ông bà C2 (cụ T3 và cụ C1) để lại. Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, cháu xin từ chối nhận di sản thừa kế, cháu để phần di sản thừa kế được hưởng cho bác Võ Văn R, bác R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Võ Trọng P trình bày: Cháu là con ruột của anh Võ Văn Đ và chị Lại Thị Kim H. Cháu không biết gì về di sản thừa kế của ông bà C2 (cụ T3 và cụ C1) để lại. Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, cháu xin từ chối nhận di sản thừa kế, cháu để phần di sản thừa kế được hưởng cho bác Võ Văn R, bác R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T2 trình bày: Bà chung sống như vợ chồng với ông Võ Văn L2 vào năm 1981. Thời điểm bà chung sống với ông L2 thì ông L2 vẫn chung sống với bà Nguyễn Thị T5. Quá trình bà chung sống với ông L2 có 01 con chung tên là Võ Thị P1. Bà chung sống với ông L2 không có đăng ký kết hôn và cũng không có ly hôn. Bà không biết gì về tài sản tranh chấp và bà cũng không đóng góp công sức gì đối với tài sản tranh chấp và cũng không tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị P1 trình bày: Chị là con ruột của ông Võ Văn L2 và bà Huỳnh Thị T2. Bà không biết gì về di sản thừa kế của cụ T3 và cụ C1 để lại. Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, chị xin từ chối nhận di sản thừa kế, chị để phần di sản thừa kế được hưởng cho anh Võ Văn R, anh R được toàn quyền định đoạt phần di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh Q trình bày: Năm 2009, anh có mua đất của bà Võ Thị L với diện tích ngang khoảng 02m dài khoảng 23m, thuộc một phần thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc xã M để làm lối đi vào nhà. Anh mua với giá 17.000.000 đồng và đã sử dụng làm lối đi từ

lúc mua đến nay, chưa làm thủ tục sang tên. Trường hợp Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế, thì anh sẽ tự thỏa thuận với bà L để giải quyết, nếu không tự giải quyết được thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Đ, ông Hồ Phương B1 trình bày:

Ngày 29/01/1997, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị L các thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, tọa lạc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là căn cứ vào hồ sơ xét duyệt của Hội đồng đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất theo mẫu Trung ương của xã M và danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất theo mẫu Trung ương, trong đó có bà Võ Thị L (số thứ tự 329). Hiện nay, các thửa đất nêu trên do bà Võ Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 179/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn R đối với bị đơn bà Võ Thị L gồm:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 613349 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Võ Thị L ngày 29/01/1997 tại các thửa đất 270, 285; cùng tờ bản đồ số 2-1, tổng diện tích 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Công nhận diện tích đất thuộc các thửa số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là di sản thừa kế của cụ Võ Văn T3 và cụ Nguyễn Thị C1 để lại.

- Yêu cầu chia phần di sản thừa kế di sản thành 02 kỷ phần gồm: Bà Võ Thị L được chia 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 842m². Anh Võ Văn R, anh Võ Văn T, anh Võ Văn Cu L1, anh Võ Văn Cu N, anh Võ Văn C, anh Võ Văn Đ (chết năm 2020) hàng thừa kế của anh Đ là chị Lại Thị Kim H, cháu Võ Thị Tuyết T1 và cháu Võ T6 được chia 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 842m².

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Võ Thị L về việc công nhận các thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1 (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là tài sản riêng của bà Võ Thị L.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Võ Văn R phải chịu 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Anh R đã nộp và chi phí xong.

4. Về án phí: Anh Võ Văn R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh R đã nộp theo biên lai thu số 00007685 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, ông R đã nộp xong. H1 lại cho anh Võ Văn R số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

đã nộp theo biên lai thu số 00007686 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa. Bà Võ Thị L không phải chịu án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 23/7/2024, nguyên đơn anh Võ Văn R kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Võ Văn R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

Nguyên đơn anh Võ Văn R trình bày: Trước đây, khi còn sống cụ C1 đã chia đất cho hai con là ông L2 (cha anh) và bà L, riêng đối với thửa đất số 270 và thửa đất số 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, đất tọa lạc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An thì cụ C1 giữ lại, không chia cho con. Mặc dù, ngày 15/01/2000 ông Võ Văn L2 có ký tên vào Biên bản hòa giải thân tộc nhưng do anh có thời gian sinh sống cùng với cụ C1 đến khi cụ C1 mất (1995) và hiện tại cha anh (ông L2) đã mất nên anh yêu cầu được chia một phần hai tài sản nêu trên.

Bị đơn bà Võ Thị L trình bày: hai thửa đất số 270 và thửa đất số 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, đất tọa lạc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có nguồn gốc của cụ T3 và cụ C1 để lại. Năm 1978, cụ C1 đã chia đất cho các con, cụ thể: chia cho ông L2 1,2ha đất hiện phần đất này ông L2 đã chia cho các con của ông L2 và chia cho bà khoảng 4.000m² đất, trong đó bao gồm cả hai thửa đất đang tranh chấp. Do phần đất trên cụ C1 đã cho bà nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn R thực hiện đúng thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Thửa đất số 270, 285 cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m², đất tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có nguồn gốc của cụ Võ Văn T3 (chết năm 1960) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1995) để lại. Căn cứ Văn bản số 8305 ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Văn bản số 587 ngày 19/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã M (kèm theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho thấy bà L đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa trên cơ sở được ba mẹ cho đất. Theo sổ mục kê ruộng đất năm 1998 do bà L đứng tên. Năm 1993, Ủy ban nhân dân huyện Đ căn cứ vào hồ sơ xét duyệt của Hội đồng đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất theo mẫu Trung ương của xã M và danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất theo mẫu Trung ương để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L tại các thửa đất 270, 285 là theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật đất đai năm 1993 “*Người sử dụng đất ổn định được Ủy*

ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Bà L xác định ông L2 (cha của nguyên đơn) và bà L đều được cụ C1 cho đất, trên phần đất tranh chấp vào năm 1978 bà L cất nhà ở, đến năm 1983 cụ C1 về cất nhà ở kế bên bà L. Như vậy, việc bà L quản lý, sử dụng đất và cất nhà ở đều được các anh chị em trong gia đình và cụ C1 đều biết không ai tranh chấp.

Những người làm chứng gồm ông Lê Văn Ú (nguyên cán bộ địa chính xã M); ông Lê Văn X (nguyên Phó bí thư chi bộ ấp G, xã M); ông Nguyễn Thành T7 (là người trong thân tộc, bà con cô cậu ruột với bà L và ông L2) đều thống nhất trình bày: Vào năm 2000, ông L2 có xin bà L chia thêm diện tích đất thuộc các thửa đất 270, 285 nhưng sau khi được những người trong thân tộc hòa giải, các bên thống nhất ông L2 đã được hưởng 1,1ha bao gồm đất gò và đất ruộng, bà L được hưởng 40 cao đất gò và đất ruộng, trong đó có các thửa đất 270, 285. Lời trình bày của những người làm chứng phù hợp nội dung “thống nhất ông Võ Văn L2 để cho bà L được quyền sử dụng phần đất như cũ nhà nước cấp, không tranh chấp” tại Biên bản hòa giải thân tộc ngày 15/01/2000 và phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thể hiện tại sổ mục kê cho thấy ông Võ Văn L2 đã được cụ C1 cho các thửa đất 231 có diện tích 2.737m², thửa đất 186 có diện tích 2.710m², thửa đất 202 có diện tích 3.519m², thửa đất 280 có diện tích 467m², thửa đất 287 có diện tích 1.516m², thửa đất 506 có diện tích 2.110m². Tổng diện tích 13.059m². Bà L được cụ C1 cho tổng diện tích 4.268m². Việc anh R cho rằng cụ C1 cho bà L diện tích đất khoảng 2.500m², loại đất LUA (thực tế là thửa đất 167 diện tích đất 2.584m²), đối với thửa đất 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, cụ C1 giữ lại không chia là không có căn cứ.

Như vậy, thửa đất 270, 285 không còn là di sản chia thừa kế của cụ T3 và cụ C1 mà là tài sản riêng của bà L, bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận các thửa đất 270, 285 là di sản thừa kế của cụ C1, cụ T3; về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L tại các thửa đất 270, 285 và về chia thừa kế các thửa đất này là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Văn R. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo nguyên đơn anh Võ Văn R thực hiện đúng thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Tại phiên tòa xét xử vụ kiện, các bên đương sự thống nhất với kết quả

đo đạc theo Mảnh trích đo địa chính số 731-2023 do Công ty TNHH Đ1 đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt ngày 07/9/2023 và thống nhất với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 429/15/09/2023/TĐG LA-BDS ngày 15/9/2023 của Công ty Cổ phần T8. Các bên đương sự không yêu cầu đo đạc và thẩm định giá lại nên Tòa án căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính và các Chứng thư thẩm định giá nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn R:

Xét thửa đất số 270 diện tích đo đạc thực tế 713,3m² và thửa đất số 285 diện tích đo đạc thực tế 1.142,3m², cùng tờ bản đồ số 2-1, đất tọa lạc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, các bên đều thống nhất có nguồn gốc của cụ T3 và cụ C1.

Nguyên đơn anh R trình bày cho rằng khi cụ C1 chia đất cho ông L2 và bà L thì cụ C1 không có cho bà L hai thửa đất số 270 và thửa đất số 285 nên ông yêu cầu chia thừa kế đối với hai thửa đất trên. Ngược lại bà L trình bày năm 1978 cụ C1 đã tặng cho ông L2 (cha anh R) phần đất diện tích khoảng 1,2ha và đã tặng cho bà L phần đất diện tích khoảng 4.000m², trong đó có hai thửa đất số 270 và thửa đất số 285. Sau đó bà tiến hành kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/1997, các thửa đất mà bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: thửa đất số 167, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.500m², tọa lạc xã M và thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m², tọa lạc tại ấp G, xã M. Do hai thửa đất trên mẹ bà đã cho bà nên bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn anh Võ Văn R.

Thấy rằng, các bên đều thống nhất từ năm 1978 bà L và cụ C1 cùng làm nhà sinh sống trên hai thửa đất số 270, 285 cho đến khi cụ C1 mất năm 1995. Sau khi cụ C1 mất, bà L tiếp tục sử dụng phần đất trên và đến năm 1997 được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản hòa giải thân tộc ngày 15/01/2000, ông Võ Văn L2 là (cha ruột anh Võ Văn R) ký tên thống nhất: *“giao quyền cho em là Võ Thị L được quyền sử dụng như cả phần đất gò và phần đất ruộng là như sử dụng của nhà nước cấp”*. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị L ngày 29/01/1997 thể hiện bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: thửa đất 167 diện tích đất 2.584m², loại đất Lúa, tờ bản đồ số 1; thửa đất số 270, loại đất T và thửa đất số 285, loại đất ĐRM, cùng tờ bản đồ số 2; đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Như vậy, khi còn sống, ông Võ Văn L2 (cha anh R) là người thừa kế thứ nhất của cụ C1 cùng với bà Võ Thị L đã thống nhất xác định các thửa đất số 270 và thửa đất số 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, đất tọa lạc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của bà L. Do đó, việc anh R là người thừa kế của ông L2 cho rằng hai thửa đất trên là của cụ C1 và do có thời gian sống cùng cụ C1 nên yêu cầu chia thừa kế là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh R là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn R. Quan điểm phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Văn R phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Võ Văn R;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 217, Điều 218, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 176, Điều 255 Bộ luật Dân sự năm 1995; Căn cứ vào Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 17 Luật đất đai năm 1987; Căn cứ vào Điều 2 của Luật đất đai năm 1993; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn R đối với bị đơn bà Võ Thị L gồm:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 613349 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Võ Thị L ngày 29/01/1997 tại các thửa đất 270, 285; cùng tờ bản đồ số 2-1, tổng diện tích 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản đồ số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Công nhận diện tích đất thuộc các thửa số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1, với tổng diện tích 1.684m² (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản đồ số 5, tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là di sản thừa kế của cụ Võ Văn T3 và cụ Nguyễn Thị C1 để lại.

- Yêu cầu chia phần di sản thừa kế di sản thành 02 kỷ phần gồm: Bà Võ Thị L được chia 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 842m². Anh Võ Văn R, anh Võ Văn T, anh Võ Văn Cu L1, anh Võ Văn Cu N, anh Võ Văn C, anh Võ Văn Đ (chết năm 2020) hàng thừa kế là chị Lại Thị Kim H, cháu Võ Thị Tuyết T1 và cháu Võ Trọng P được chia 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích 842m².

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Võ Thị L về việc công nhận các thửa đất số 270, 285, cùng tờ bản đồ số 2-1 (nay là thửa 57, 128, cùng tờ bản đồ số 5,

tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.956,3m²), tọa lạc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là tài sản riêng của bà Võ Thị L.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Võ Văn R phải chịu 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Anh R đã nộp và chi phí xong.

4. Về án phí: Anh Võ Văn R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007685 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Anh R đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho anh Võ Văn R số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007686 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bà Võ Thị L không phải chịu án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Võ Văn R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005226 ngày 23/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Anh R đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân